TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2025/HS-ST
Ngày 21 tháng 5 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hoàng Nghiệp và bà Nguyễn Thị Lợi.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vũ – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 21/2025/HSST ngày 01/4/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Võ Hoài N, sinh ngày 11/10/2001; nơi thường trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không, Nghề nghiệp: Không; Cha: Võ Văn L, sinh năm 1979; Mẹ: Bùi Thị L1, sinh năm: 1982. Anh, em ruột có 02 người, bị cáo là người lớn nhất. Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án: Ngày 17/5/2022, bị Tòa án nhân dân huyện An Phú xử phạt 01 năm 06 tháng tù, về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/01/2023.

Tiền sự: Ngày 02/10/2024, bị Công an huyện A xử phạt vi phạm hành chính về hành vi phá hoại làm hư hỏng tài sản, tường rào của mục tiêu khi chưa được phép, với số tiền 1.500.000 đồng (chưa nộp phạt).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực huyện A, tỉnh An Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Võ Văn D, sinh năm 1972; nơi thường trú: Ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn Lý H, sinh năm 1996; nơi thường trú: Ấp B, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Bùi Văn T, sinh năm 1995; nơi thường trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.(Vắng mặt)

2. Ông Mai Vũ L2, sinh năm 1994; nơi thường trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Hiện đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực huyện A. (Có mặt)

3. Ông Võ Văn P, sinh năm 1974; nơi thường trú: Ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. (Vắng mặt)

4. Ông Võ Văn K, sinh năm 1988; nơi thường trú: Ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang.(Vắng mặt)

5. Em Trương Văn H1, sinh ngày 24/01/2008; nơi thường trú: Ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.(Vắng mặt)

Người giám hộ cho em Trương Văn H1 là ông Trương Văn H2, sinh năm 1971; nơi thường trú: Ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.(Vắng mặt)

Người làm chứng:

1. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1997; (Vắng mặt)

2. Bà Trần Thị L3, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

3. Ông Trần Văn T2, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/12/2024, bị cáo Võ Hoài N mượn xe mô tô biển kiểm soát 63K3 – 6773 của Trương Văn H1 đi chơi game. Chơi xong, N điều khiển xe đến nhà ông Võ Văn D (ngụ ấp S, xã K, huyện A, tỉnh An Giang) thấy xe mô tô hiệu Wave, màu nâu đen, biển kiểm soát 84E1 – 141.94 của ông D dựng trước nhà, không người trông giữ, nên N lấy trộm, rồi điều khiển về nhà N (ngụ ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh An Giang). Còn xe mô tô biển kiểm soát 63K3 – 6773 của H1, N để trước nhà trọ "Thùy L4" cách nhà ông D khoảng 50 mét.

Khi về đến nhà, N dùng kìm tháo biển kiểm soát 84E1 – 141.94 ra khỏi xe, sau đó giả vờ nói với H1 là xe của N, kêu H1 lên xe N chở đến nhà trọ "Thùy L4" lấy xe H1 về. Tại nhà trọ "Thùy Linh", N sợ bị phát hiện việc lấy trộm nên kêu H1 chạy xe mô tô biển kiểm soát 84E1 – 141.94 (đã bị tháo biển số), còn N chạy xe mô tô biển kiểm soát 63K3 – 6773 của H1 về. Trên đường về đến khu vực xóm C (thuộc xã Q) H1 bị ông D phát hiện, chặn giữ xe và trình báo Công an xã.

Ngày 19/12/2024, N đến Công an xã K đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu. Quá trình điều tra, N còn khai nhận thêm 01 vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/12/2024, N điều khiển xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, số máy 152FMH-002821, số khung DCH044AV – 002821, biển kiểm soát 66M2 – 2020 đến nhà ông Nguyễn Văn Lý H (ngụ ấp B, xã Q) lấy trộm 01 con gà trống, màu bông trắng chấm đen, nặng khoảng 2,5 kg bị ông H phát hiện truy đuổi, N ôm gà bỏ chạy, để lại xe mô tô biển kiểm soát 66M2 – 2020 trước

nhà ông H. Sau đó, N đem gà bán cho ông Bùi Văn T được 300.000 đồng. Ngày 18/12/2024, ông H đến Công an xã Q trình báo sự việc và giao nộp xe mô tô 66M2 – 2020.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 58 ngày 23/12/2024, số 60 ngày 25/12/2024 và số 02 ngày 22/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu nâu đen, có gắn biển kiểm soát 84E1 – 141.94 tại thời điểm chiếm đoạt ngày 17/12/2024, có giá: 1.000.000 đồng (tài sản của ông D);

- 01 (một) con gà trống, màu bông trắng chấm đen, trọng lượng 2,5 kg tại thời điểm chiếm đoạt ngày 16/12/2024, có giá: 2,5 kg x 120.000 đồng = 300.000 đồng (tài sản của ông H);

- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, số máy 152FMH-002821, số khung DCH044AV – 002821, có giá: 1.600.000 đồng.

Căn cứ Kết luận giám định số 238/KL-KTHS ngày 23/02/2025 của Phòng K1 - Công an tỉnh A, kết luận: Biển số xe mô tô 66M2 – 2020 cần giám định là biển kiểm soát thật.

Ngày 27/12/2024, Võ Hoài N bị khởi tố để điều tra.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu sơn Nâu đen, có gắn biển kiểm soát 84E1 – 141.94, số máy VLFPD1P52FMH3541A6117, đã qua sử dụng;

- 01 (một) nón bảo hiểm, có dán nhãn hiệu nón S, trang trí bằng họa tiết nhiều màu.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSAP ngày 31/3/2025 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Võ Hoài N về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Quá trình điều tra và tại phiên toà: Bị cáo Võ Hoài N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố, thống nhất với giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt theo Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản.

Lời khai của bị hại: Ông Võ Văn D và ông Nguyễn Văn Lý H trình bày phù hợp với Cáo trạng nêu trên.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Các ông Bùi Văn T, Mai Vũ L2, Võ Văn P, Võ Văn K, Em Trương Văn H1 trình bày phù hợp với Cáo trạng nêu trên.

Lời khai của người làm chứng: Võ Thị T1, Trần Thị L3, Trần Văn T2 trình bày phù hợp với Cáo trạng nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b

khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Hoài Nhân T3 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng.

Bị cáo Võ Hoài N không có ý kiến tranh luận đối với nội dung luận tội của Đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều thực hiện đúng pháp luật.

- Tại phiên toà, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng vắng mặt dù đã được Toà án tống đạt giấy triệu tập hợp lệ, nhưng họ đã có lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ các Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo N đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 17/12/2024, bị cáo N thấy xe mô tô hiệu Wave, màu nâu đen, biển kiểm soát 84E1 – 141.94 của ông D dựng trước nhà, không người trông giữ, nên N lấy trộm, rồi điều khiển xe về nhà N dùng kìm tháo biển kiểm soát 84E1 – 141.94 ra khỏi xe. Tại nhà trọ "Thùy Linh", N sợ bị phát hiện việc lấy trộm nên kêu H1 chạy xe mô tô lấy trộm, còn N chạy xe mô tô của H1 về. Trên đường về H1 bị ông D phát hiện. Quá trình điều tra, N còn khai nhận vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 16/12/2024, N điều khiển xe đến nhà ông Nguyễn Văn Lý H lấy trộm 01 con gà trống, màu bông trắng chấm đen, nặng khoảng 2,5 kg bị ông H phát hiện truy đuổi. Tài sản bị cáo N trộm có tổng giá trị là 1.300.000 (Một triệu ba trăm nghìn) đồng theo kết luận định giá tài sản số 58/KL-HĐĐG.TTHS ngày 23/12/2024 và kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐĐG.TTHS ngày 25/12/2024 cuả Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang.

Bị cáo N là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực phạm tội cùng hành vi "Trộm cắp tài sản". Thủ đoạn phạm tội của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Mặc dù tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị dưới 2.000.000 (Hai triệu) đồng, tuy nhiên bị cáo có 01 tiền án về hành vị "Trộm cắp tài sản"chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần phải xét xử thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bản than bị cáo đã có 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản, đáng lẽ ra sau khi chấp hành xong án phạt tù bị cáo phải cố gắng lao động tích cực, rèn luyện tu dưỡng để trở thành công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội. Nhưng ngược lại, vì bản tính tham lam muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với lỗi cố ý. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng với mức độ nghiêm trọng của tội phạm.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin được đầu thú. Đây là các tình tiết để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng".* Xét thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Trương Văn H1, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A không quy kết trách nhiệm Trương Văn H1 không biết xe mô tô 84E1 – 141.94 là do N lấy trộm mà có, nên đồng ý điều khiển xe giúp N. H1 không bàn bạc hay giúp sức N trong việc lấy trộm xe mô tô 84E1 – 141.94, do đó việc Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A không xem xét xử lý đối với H1 là có căn cứ.

- Bùi Văn T khi mua con gà trống màu bông trắng chấm đen, trọng lượng 2,5 kg của N, không biết là tài sản do lấy trộm mà có. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A không xem xét xử lý đối với T là phù hợp.

- Việc Võ Văn P mất trộm xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, số máy 152FMH – 002821, số khung DCH044AV – 002821, nhưng không biết ai là người lấy trộm. Qua kiểm tra đối chiếu đặc điểm xe của ông P giống với xe của N trong vụ trộm gà ngày 16/12/2024. Kết quả điều tra, N khai đối tượng bán xe là người sinh sống bên Campuchia không rõ nhân thân, lai lịch, khi mua N không biết xe là tài sản của ông P bị mất trộm. Nhận thấy, không đủ căn cứ xác định N có hành vi trộm cắp tài sản hay tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có, nên ệm hình sự N là phù hợp. Tuy nhiên, nhằm giải quyết triệt để vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A đã chuyển vật chứng và các tài liệu có liên quan cho Công an xã K để tiếp tục điều tra, làm rõ.

- Võ Hoài N đem xe mô tô hiệu Wave, màu xanh, số máy 152FMH – 002821, số khung DCH044AV – 002821 đến tiệm sửa xe của ông Võ Văn K sửa và xin biển kiểm soát 66M2 – 2020 gắn vào mục đích làm phương tiện đi lại, nhưng sau đó sử dụng xe đi lấy trộm gà. Kết quả giám định biển kiểm soát 66M2 – 2020 là thật, việc lấy trộm gà là nhất thời, không có ý định từ trước. Nhận thấy, chưa đủ căn cứ quy kết trách nhiệm hình sự N về tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A không xem xét xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

- Võ Văn K có hành vi cho N biển kiểm soát 66M2 – 2020 để N làm phương tiện đi lại, không biết việc N sử dụng để trộm gà. K cũng không được hưởng lợi gì từ việc cho biển kiểm soát 66M2 – 2020. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện A không xem xét xử lý K là phù hợp.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu sơn Nâu đen, có gắn biển kiểm soát 84E1 – 141.94, số máy VLFPD1P52FMH3541A6117, đã qua sử dụng là tài sản của bị hại ông Võ Văn D bị mất trộm nên cần tuyên trả lại cho ông Võ Văn D.

- Đối với 01 (một) nón bảo hiểm, có dán nhãn hiệu nón S, trang trí bằng họa tiết nhiều màu của bị cáo được dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu, tiêu huỷ.

Buộc bị cáo Võ Hoài N giao nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do đây là tiền bị cáo phạm tội mà có.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Các đương sự không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Hoài N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38

của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Võ Hoài N 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/12/2024).

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị hại ông Võ Văn D 01 (một) xe mô tô hiệu Wave, màu sơn Nâu đen, có gắn biển kiểm soát 84E1 – 141.94, số máy VLFPD1P52FMH3541A6117, đã qua sử dụng là tài sản của bị hại ông Võ Văn D bị mất trộm.

Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) nón bảo hiểm, có dán nhãn hiệu nón S, trang trí bằng họa tiết nhiều màu của bị cáo được dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 08/4/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A và Chi cục thi hành án dân sự huyện An Phú).

Buộc bị cáo Võ Hoài N giao nộp số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng do đây là tiền bị cáo phạm tội mà có.

Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Võ Hoài N phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- VKSND huyện An Phú;
- Công an tỉnh An Giang;
- CQTHAHS -Công an tỉnh An Giang;
- Phân trại tạm giam khu vực huyện An Phú;
- Chi cục THADS huyện An Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đỗ Ngọc Mai Thy